

**Bản án số: 08/2019/HSST
Ngày: 08/4/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC C HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Cán bộ hưu trí thị trấn K, huyện K.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Bí thư huyện đoàn huyện K.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/4/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 08/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: **H**; sinh năm 1994; Tại: K, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn k, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Tiền án: 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị G.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Ông Bùi Đức T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ dân phố, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Ông T, bà H, bà Đ, bà C, anh H đều vắng mặt có L do chính đáng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Ông Lương Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố g, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Ông Ngô Ngọc L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn j, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Bà Đ, bà C, ông L, ông L đều vắng mặt có L do chính đáng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng mới chấp hành xong án tù và trở về sinh sống tại Thôn g, xã Đ, K, Gia Lai, T không có nghề nghiệp ổn định; trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2018 đến ngày 10/9/2018 T đã nhiều lần đột nhập vào nhiều nhà dân không có người trông coi vào ban đêm để lên lút chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 18/9/2018, Nguyễn Văn T đến Công an huyện K đầu thú khai báo về hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi tiếp nhận người phạm tội đầu thú Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại thôn g xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai, lấy lời khai và thu giữ vật chứng. Quá trình khám xét khẩn cấp Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều tang vật, cụ thể T đã 06 lần trộm cắp tài sản của 05 gia đình bị hại, gây thiệt hại 124.740.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 09/8/2018, T điều khiển xe mô tô loại Wave gắn biển số: 47E1-091.29, số khung: RLHJC4322AYI60707, số máy: JC43 E5 625639 do T mượn của anh Nguyễn Tấn T để làm phương tiện đi lại từ chiều 08/9/2018, mang theo 01 dây thun, 01 mỏ lết, 01 dao nhọn đi từ nhà đến thị trấn K để tìm nơi trộm cắp tài sản. T đi đến đoạn đường P thì phát hiện nhà ông Bùi Đức T khóa cửa ngoài, không có ai ở nhà và xung quanh không có người. T dựng xe trước nhà ông T, dùng mỏ lết mang theo bẻ gãy bắt khóa cửa trước. Sau đó mở cửa vào trong nhà, T lần lượt lấy 03 tượng gỗ Hương hình Phúc, Lộc, Thọ cao 90 cm và 01 tượng gỗ hình Phật di lặc có trầu kéo bằng gỗ Hương kích thước 80x25x25 cm, đưa ra ngoài buộc lên xe máy chở về nhà tại thôn g xã Đ cất giấu. T tiếp tục quay xe lại nhà ông T, lấy 01 tượng gỗ Hương hình Phật Di lặc kích thước 60x40x40 cm, 01 can mật ong 10 lít và 300.000 đồng trong xe ô tô ở trong nhà ra ngoài, buộc tài sản trộm cắp được lên xe chở về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá số 34/KL-HĐĐG ngày 02/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Tài sản mà Nguyễn Văn T trộm cắp của ông Bùi Đức T có giá trị là 51.500.000 đồng và 300.000 đồng tiền mặt, tổng C là 51.800.000 đồng.

Sau đó vài ngày, T đã đem bán 05 tượng gỗ cho anh Ngô Ngọc L với giá 12.300.000 đồng, việc mua bán là ngay tình anh L không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, sau đó khoảng 10 ngày, anh L đã bán số tượng gỗ trên cho 01 người không rõ địa chỉ với giá 14.700.000 đồng. Trong quá trình điều tra, anh L đã tự nguyện giao nộp số tiền chênh lệch thu lời qua bán tượng là 1.400.000 đồng. Đối với 10 lít mật ong, sau

khi trộm cắp 02 ngày, T đã bán cho người mua dạo không rõ tên tuổi, địa chỉ tại xã Đông với giá 2.400.000 đồng rồi tiêu xài sử dụng cá nhân cùng với số tiền mặt đã trộm cắp 300.000 đồng.

Quá trình điều tra không thu hồi được số tài sản đã bị mất trên, ông T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông T trị giá tài sản trộm cắp là 51.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 16/8/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô mượn của T mang theo các công cụ đã chuẩn bị như ngày 09/8/2018 lên thị trấn K tìm nơi trộm cắp tài sản. T đi theo đường P phát hiện tiệm tạp hóa Mai H (của bà Nguyễn Thị H.), thấy cửa khóa bên ngoài, xung quanh vắng người, T dựng xe tại đường hẻm bên cạnh tạp hóa, dùng mỏ lết bẻ gãy bát khóa cửa sắt mở cửa đi vào. T đã lấy 01 ba lô màu đỏ đen trong tiệm, lấy 10 cây thuốc lá ngựa trắng, 01 cây thuốc lá Zet, 05 dây dầu gội đầu, 03 sợi dây thắt lưng, 04 đôi tất tất cho vào ba lô, sau đó lấy thêm 01 mũ cối rồi đi ra ngoài, điều khiển xe về nhà tại thôn 3 xã Đông, cất giấu tài sản.

Bản kết luận định giá số 35/KL-HĐĐG ngày 03/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận trị giá tài sản mà Nguyễn Văn T trộm cắp của bà H là 4.480.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 01 ba lô, 03 dây thắt lưng và 04 đôi tất, ngày 15/02/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã xử L vật chứng trả lại cho bà H (*trị giá tài sản nhận được là 2.030.000 đồng*), số còn lại thuốc lá, dầu gội Nguyễn Văn T đã sử dụng hết, chiếc mũ cối đã bị mất, không thu giữ được.

Bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà H giá trị tài sản đã bị trộm cắp là 2.450.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 04/9/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô mượn của Thi mang theo các công cụ đã chuẩn bị như ngày 16/8/2018, đến thị trấn K tìm nơi trộm cắp tài sản. T phát hiện cửa hàng điện thoại T&T của anh Bùi Văn H tại tổ dân phố 6, thị trấn K khóa cửa ngoài, không có người trông coi, T dựng xe tại đường hẻm cạnh cửa hàng điện thoại T&T, dùng dao cắt vách tôn cửa hàng rồi chui vào trong. T lấy 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 10 màu trắng vàng, 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Haier màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng 4,7 inch, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen màn hình cảm ứng 4,7 inch, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng 5,5 inch, 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV màn hình bị nứt, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu H 5,5 inch bị hỏng, 24 pin điện thoại di động, 04 loa nghe nhạc, 04 tai nghe điện thoại, 12 dây sạc điện thoại, 06 sạc điện thoại cho vào túi ni L rồi chui ra ngoài, điều khiển xe đem tài sản trộm cắp về nhà cất giấu.

Tại bản kết luận định giá số 36/KL-HĐ ĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Trị giá tài sản T trộm cắp tại cửa hàng T&T là 11.290.000 đồng. Qua khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ được những tài sản trên (trừ 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 10). Ngày 15/02/2019 đã ra quyết định xử L vật chứng trả lại cho anh Bùi Văn H (*trị giá tài sản được nhận lại là 7.290.000 đồng*).

Đối với máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 10, T đã bán cho 02 người T niên không rõ địa chỉ tại Thị trấn K với giá 2.000.000 đồng tiêu xài sử dụng cá nhân, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Anh H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh H giá trị tài sản đã bị trộm cắp là 4.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 01 giờ ngày 08/9/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô mang theo 01 xà beng, 01 dây thun, 01 con dao, 01 mỏ lết đi từ nhà tại xã Đ đến thị trấn K để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực dốc Khảo Sát, T phát hiện nhà bà Trần Thị Đ tổ dân phố g thị trấn K khóa cổng ngoài, xung quanh không có người nên dừng xe trước cổng nhà bà Đ. T dùng xà beng cạy bung ổ khóa cửa sắt bên hông nhà rồi vào trong nhà. T lấy 02 bình kiểu bằng gỗ (01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 70x50x30 cm, 01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 80x60x20 cm) và các đồ gỗ, đồ kỷ niệm nhỏ gồm: 02 chiếc bình gỗ màu nâu đỏ cao 26 cm, đường kính 9 cm; 01 khay gỗ tròn hình quả bí, đường kính 44 cm; 01 chiếc bình gỗ cao 23 cm, đường kính 7 cm; 01 hộp gỗ hình chữ nhật kích thước 15x10x10 cm, phía trên gắn 02 hình răng nanh và 01 cục đá kích thước 22x8x3,5 cm; 01 bộ bình ly bằng gỗ gồm 01 bình, 06 ly, 07 đĩa; 01 ly bằng gỗ; 01 lư xông Trầm bằng kim loại; 01 đĩa bằng kim loại; 01 lục hạc bằng kim loại; 01 lọ cắm hương bằng gỗ cao 25 cm, đường kính 7 cm; 01 máy nghe nhạc hiệu Ipod; 01 tượng hình Quan âm bằng gỗ màu nâu đỏ cao 50 cm, kích thước đế 16x16 cm; 01 chân đèn tiện tròn bằng gỗ màu nâu đen, cao 20 cm, đường kính 13 cm; 02 lọ hoa bằng gỗ màu xám vàng, cao 42 cm, đường kính 7 cm. T cho vào bao tải, mang ra xe máy chở về nhà tại xã Đông cất giấu. Sau đó, T quay lại nhà bà Đ lấy 01 tượng hình Đạt ma bằng gỗ màu nâu xám cao 117x57x50 cm và 01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 45x25x25 cm mang về nhà tại xã Đ cất giấu.

Lần thứ năm: Vào trưa ngày 08/9/2018, T đi đến nhà bà Đ kiểm tra thấy cổng vẫn chưa khóa, T nghĩ việc trộm cắp chưa bị phát hiện. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/9/2018, T tiếp tục đến nhà bà Đ để trộm cắp tài sản. T đến nơi thì mở cổng, mở cửa vào nhà. T vác 01 ghế xích đu bằng gỗ ra buộc lên xe máy. Sau đó, lấy 01 màn hình Tivi hiệu Sam Sung, kích thước màn hình 40x70 cm bỏ lên xích đu rồi điều khiển xe về nhà cất giấu. T quay lại nhà bà Đ, vào nhà bưng 01 két sắt hiệu HÒA PHÁT kích thước 40x35x48 cm từ trong nhà ra buộc lên xe máy chở về nhà cất giấu, sau đó đã phá làm hư hỏng két sắt để tìm tài sản bên trong.

Theo bản kết luận giám định số 37/KL-HĐĐG ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận, ngày 08/9/2018 T đã trộm cắp tài sản của gia đình bà Đ trị giá là 23.770.000 đồng. Ngày 09/9/2018 T đã trộm cắp tài sản của gia đình bà Trần Thị Đ có giá trị là 6.800.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp của gia đình bà Đ là 30.570.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được tài sản của gia đình bà Đ thì ngày hôm sau T đã đem bán cho ông Lương Văn L gồm 01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 70x50x30 cm, 01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 80x60x20 cm, 02 lọ hoa bằng gỗ màu xám vàng cao 42 cm, đường kính 7 cm với giá 2.200.000 đồng, việc mua bán là ngay tình ông L không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có; trong quá trình điều tra ông L đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra những tài sản mà ông đã mua được. Ông L yêu cầu bị cáo phải giao trả lại cho ông số tiền 2.200.000 đồng.

Đối với 01 tượng hình Đạt ma bằng gỗ màu nâu xám cao 117x57x50 cm, 01 bình kiểu bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 45x25x25 cm, 01 tượng hình Quan âm bằng gỗ màu nâu đỏ cao 50 cm, kích thước đế 16x16 cm, 01 chân đèn tiện tròn bằng gỗ màu nâu đen, cao 20 cm, đường kính 13 cm là tài sản T trộm cắp của bị hại Trần Thị Đ đem gửi tại nhà chị Nguyễn Thị Ánh L, qua điều tra xác định chị Ly không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 20/9/2018, chị Ly đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày

15/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã quyết định xử L vật chứng trả lại tài sản cho bà Đ.

Riêng đối với kết sắt bị hư hỏng bà Đ không yêu cầu bồi thường nên bị cáo không phải bồi thường cho bà Đ.

Lần thứ sáu: Khoảng 23 giờ ngày 10/9/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô mang theo các công cụ như ngày 08/9/2018 đi từ nhà đến thị trấn K để trộm cắp tài sản. T đi theo đường Phan Bội Châu, phát hiện nhà bà Lê Thị C, địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K khóa cửa trước. T đi qua đi lại 3 - 4 lần kiểm tra thấy xung quanh không có người. T dừng xe trước nhà bà C, dùng xà beng cạy bung ổ khóa cửa sắt trước nhà rồi mở cửa vào trong, T lấy 03 tượng gỗ hình Phúc, Lộc, Thọ kích thước 38x15x12 cm; 04 chiếc bình bằng gỗ màu nâu đỏ (02 bình cao 40 cm, đường kính 11 cm; 02 bình cao 42 cm, đường kính 15 cm); 01 tượng gỗ hình con cóc, màu vàng, kích thước 25x25x15 cm bỏ vào trong bao tải. T bung 01 bức tượng gỗ hình Phật Di lặc màu vàng, kích thước 65x42x56 cm ra để lên yên xe, lấy dây thun buộc lại rồi quay vào nhà lấy bao tải đựng đồ gỗ ra để trước gác ba ga xe, điều khiển xe về nhà cất giấu. Xong T quay lại nhà bà C, vào nhà lấy hai bao hạt tiêu khô dồn lại thành 01 bao nặng 49 kg, buộc miệng bao lại rồi bung ra buộc lên yên xe, sau đó T tiếp tục vào nhà lấy 01 bao hạt Giỏi khô nặng 12 kg mang ra để trên gác ba ga xe và điều khiển xe về nhà cất giấu.

Theo bản kết luận định giá số 27/KL-HĐĐG ngày 24/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Tổng giá trị tài sản T trộm cắp được của bà Lê Thị C là 26.600.000 đồng.

Ngày 12/9/2018, T đã bán cho bà Phạm Thị Đ, địa chỉ thôn d xã N 12 kg hạt Giỏi khô, với giá: 9.500.000 đồng, việc mua bán là ngay tình, bà Đ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó, bà Đ đã bán cho ông Võ Văn S với giá 12 triệu đồng, thu lời 2.500.000 đồng. Ông S đã gửi đi bán tại Hà Nội cùng nhiều sản phẩm khác cũng với giá 12.000.000 đồng, Cơ quan điều tra không thu giữ được, quá trình điều tra, bà Đ đã tự giác giao nộp 2.500.000 đồng tiền chênh lệch thu lời qua bán hạt Giỏi.

Sáng ngày 16/9/2018, T đem bán cho bà Lê Thị C, địa chỉ Tổ dân phố h, thị trấn K 49 kg hạt tiêu khô với giá 2.352.000 đồng, việc mua bán là ngay tình, bà C không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi biết là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 19/9/2018, bà C đã tự giác giao nộp 49 kg hạt tiêu cho Cơ quan điều tra để xử L vụ án, bà C yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 2.352.000 đồng.

Đối với 01 bộ tam đa gồm 3 tượng Phúc, lộc, Thọ bằng gỗ màu nâu đỏ kích thước 38x15x12 cm, là tài sản T trộm cắp của bị hại Lê Thị C, đem gửi tại nhà chị L, qua điều tra xác định chị L không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, ngày 20/9/2018, chị L đã tự giác giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ các tài sản mà T đã trộm cắp tại nhà bà C, ngày 13/02/2019 đã xử L vật chứng trả lại bà C, riêng đối với 12 kg hạt Giỏi trị giá 13.200.000 đồng không thu giữ được bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà.

Bị cáo và những người bị hại không có ý kiến gì đối với các bản kết luận giám định trên.

Tại Bản cáo trạng số: 07/ CTr-VKS ngày 06/3/2019, VKSND huyện K đã truy tố Nguyễn Văn T, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

Đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 5 năm sáu tháng tù đến 6 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Bùi Đức T yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 51.800.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Bùi Đức T số tiền là 51.800.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 2.450.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 2.450.000 đồng.

Bị hại anh Bùi Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 4.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền là 4.000.000 đồng.

Bị hại bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 13.200.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền là 13.200.000 đồng.

Bị hại bà Trần Thị Đ đã nhận lại được toàn bộ tài sản bị mất trộm. Riêng đối với kết sắt bị hư hỏng bà Đ không yêu cầu bồi thường nên bị cáo không phải bồi thường cho bà Đ. Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn L và bà Lê Thị C.

Ông Lương Văn L yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.200.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông L số tiền là 2.200.000 đồng.

Bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.352.000 đồng. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà C số tiền là 2.352.000 đồng.

Về xử L vật chứng:

Ngày 13/02/2019, Cơ quan điều tra công an huyện K đã ra Quyết định xử L vật chứng trả lại những tài sản thu giữ được cho những người bị hại anh Bùi Văn H, bà Lê Thị C, bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị H. Anh H, bà C, bà Đ, bà H đã nhận lại tài sản và tự sửa chữa.

Đối với những vật chứng còn lại được đưa ra xem xét tại phiên tòa, đây đều là những công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền Ngân hàng Việt Nam là 9.100.000 đồng, trong đó có số tiền còn lại qua bán tài sản trộm cắp mà có là 5.200.000 đồng và do bà Phạm Thị Đ tự giao nộp là 1.400.000 đồng và ông Ngô Ngọc L tự giao nộp là 2.500.000 đồng. Đề nghị HĐXX xử L: Trả lại cho bà Phạm Thị Đ 1.400.000 đồng; trả lại cho ông Ngô Ngọc L 2.500.000 đồng; Tịch thu số tiền 5.200.000 đồng do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có. Để đảm bảo cho việc thi hành án phần dân sự trong vụ án, đề nghị lưu tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện K, Gia Lai để trả cho các bị hại.

Đối với chiếc xe mô tô gắn biển số: 47E1-091.29, nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đỏ - đen, có số khung RLHJC4322AYI60707, số máy JC43E5625639 thuộc ở địa bàn thị xã N, tỉnh Hậu Giang, Nguyễn Văn T mượn của anh Nguyễn Tấn T, qua điều tra xác định anh Thi không biết T sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, anh Thi không có giấy tờ chứng minh sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe này. Cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp xác minh, ủy thác điều tra cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Hậu Giang xác minh nguồn gốc xe nH chưa có kết quả, do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào rõ về nguồn gốc sẽ xử L đối với phương tiện xe mô tô. Đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Trong khoảng thời gian khoảng một tháng, từ ngày 09/8/2018 đến ngày 10/ 9/ 2018, T đã lợi dụng các gia đình không có người trông coi vào ban đêm để lén lút thực hiện liên tiếp 06 lần đột nhập vào 05 gia đình, chiếm đoạt nhiều tài sản có giá trị. Các bị hại là ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn H, bà Trần Thị Đ, bà Lê Thị C. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá kết luận là 124.740.000 đồng. Tất cả các lần phạm tội trộm cắp tài sản đều trên 2.000.000 đồng, trong đó có 01 lần phạm tội trên 50.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện nhiều lần, chiếm đoạt rất nhiều tài sản có giá trị thể hiện tính chất chuyên nghiệp và chiếm đoạt tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng là 02 tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác gây thiệt hại về tài sản với trị giá là 124.740.000 đồng đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái

phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Văn T hiện có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Cụ thể: Năm 2013, nhiều lần trộm cắp tài sản tại huyện K bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tuyên án 4 năm 06 tháng tù giam tại Bản án số: 14/2014/HSST ngày 18/06/2014. Trước khi trộm cắp tài sản tại huyện K, Nguyễn Văn T đã phạm tội trộm cắp tài sản tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên án 01 năm tù tại Bản án số 309/2014/HSST ngày 16/12/2014. Tổng hợp hình phạt, Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt C là 05 năm 06 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Gia Trung. Ngày 03/5/2018, chấp hành xong hình phạt được trả tự do trở về địa phương sinh sống (theo giấy chứng nhận số 337/GCN ngày 03/5/2018). Tính đến thời điểm xét xử ngày 08/4/2019 là 11 tháng 05 ngày. T chưa được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; người phạm tội đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, HĐXX cũng cần cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

Qua ý kiến luận tội của đại diện VKS đã đề nghị hướng xử L vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng: Nguyễn Văn T là người đã thành niên có đầy đủ năng lực và sức khỏe để nhận thức hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, lấy tài sản trộm cắp được làm nguồn sống chính cho bản thân là vi phạm pháp luật. Song với ý thức coi thường pháp luật, không muốn làm việc mà có tiền tiêu xài, ăn chơi nên đã thực hiện hành vi phạm tội như đã trình bày ở trên.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài C đồng xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và nâng cao hiệu quả phòng ngừa C.

Liên quan trong vụ án có các ông, bà là: Bà Lê Thị C, bà Phạm Thị Đ, ông Ngô Ngọc L, ông Lương Văn L là những người đã mua tài sản do T trộm cắp mà có; chị Nguyễn Thị Ánh L là người cho T gửi một số tài sản trộm cắp tại nhà mình. Tuy nhiên, khi mua, cho gửi tài sản, những người này đều không biết được đó là tài sản do T trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử L là đúng pháp luật mà đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng trong vụ án là phù hợp và đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Bùi Đức T yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 51.800.000 đồng (gồm 51.500.000 đồng giá trị tài sản T đã trộm cắp của ông T và 300.000 đồng tiền mặt), HĐXX xét buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Bùi Đức T số tiền là 51.800.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 2.450.000 đồng là trị giá của 10 cây thuốc lá ngựa trắng, 01 cây thuốc lá Zet, 05 dây dầu gội đầu;

01 mũ cối. HĐXX xét buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 2.450.000 đồng.

Bị hại anh Bùi Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 4.000.000 đồng là trị giá của 01 máy tính bảng hiệu SAMSUNG TAB 10. HĐXX xét buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền 4.000.000 đồng.

Bị hại bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền là 13.200.000 đồng là trị giá của 12 kg hạt Giỏi khô. HĐXX xét buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền là 13.200.000 đồng.

Bị hại bà Trần Thị Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm. Riêng đối với két sắt bị hư hỏng bà Đ không yêu cầu bồi thường. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn L yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.200.000 đồng, HĐXX xét buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Lương Văn L số tiền là 2.200.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 2.352.000 đồng, HĐXX xét buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền là 2.352.000 đồng.

Về xử L vật chứng:

Ngày 13/02/2019, Cơ quan điều tra công an huyện K đã ra Quyết định xử L vật chứng trả lại những tài sản bị mất trộm thu giữ được cho những người bị hại anh Bùi Văn H, bà Lê Thị C, bà Trần Thị Đ và bà Nguyễn Thị H. Anh H, bà C, bà Đ, bà H đã nhận lại tài sản, tự sửa chữa.

Đối với số tiền Ngân hàng Việt Nam là 9.100.000 đồng, trong đó có số tiền còn lại qua bán tài sản trộm cắp mà có là 5.200.000 đồng và bà Phạm Thị Đ tự giao nộp là 1.400.000 đồng và ông Ngô Ngọc L tự giao nộp là 2.500.000 đồng. HĐXX cần xử L: Trả lại cho bà Đ 1.400.000 đồng; trả lại cho ông L 2.500.000 đồng; Tịch thu số tiền 5.200.000 đồng do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có. Để đảm bảo cho việc thi hành án phần dân sự trong vụ án, lưu tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện K, Gia Lai để trả cho các bị hại.

Đối với những vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên tòa, đây đều là những công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Gồm: 01 (một) con dao bằng kim loại dài 36 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi bằng kim loại rộng 6,5 cm; 01 (một) con dao nhọn dài 57 cm, cán bằng tre dài 20 cm, lưỡi bằng kim loại dài 37 cm, rộng 5 cm; 01 (một) chiếc cờ lê 10 bằng kim loại dài 11 cm, một đầu có còng tròn, một đầu được mài dẹt; 01 (một) chiếc cờ lê 12 bằng kim loại dài 10 cm, một đầu có còng tròn, một đầu được mài dẹt; 01 (một) đinh ốc bằng kim loại dài 10 cm, đường kính 6 mm; 01 (một) xà beng bằng kim loại dài 1 m, đường kính 2 cm, có mũi dẹt; 01 (một) sợi dây thun màu đen dài 4 cm; 01 (một) đôi dây vải màu xanh trắng; 01 (một) bao xác rắn màu đỏ; 01 (một) bao xác rắn màu xanh; 01 (một) mỏ lết bằng kim loại dài 25 cm; 01 (một) bộ quần áo mưa màu xám.

Đối với vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên tòa còn có 01 (một) điện thoại ANOKA B800 màu đen cũng là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng khi đi trộm cắp. Tại phiên tòa, bị cáo xét thấy điện thoại đã cũ, giá trị sử dụng thấp nên cũng đề nghị HĐXX tuyên tiêu hủy. Xét yêu cầu của bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật. Vì vậy, HĐXX tuyên tiêu hủy 01 (một) điện thoại ANOKA B800 màu đen.

Đối với chiếc xe mô tô gắn biển số: 47E1- 091.29, nhãn hiệu Honda Wave RSX

màu sơn đỏ - đen, có số khung RLHJC4322AYI60707, số máy JC43E5625639 thuộc ở địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, do Nguyễn Văn T mượn của anh Nguyễn Tấn Thi, qua điều tra xác định anh Thi không biết T sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, anh Thi không có giấy tờ chứng minh sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe này. Cơ quan điều tra tiến hành các biện pháp xác minh, ủy thác điều tra cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xác minh nguồn gốc xe nH chưa có kết quả, do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào rõ về nguồn gốc sẽ xử L đối với phương tiện xe mô tô.

Tại phiên tòa, theo đề nghị của Kiểm sát viên và quan điểm của anh Thi, đều không đề cập giải quyết. Đồng thời, trong hồ sơ vụ án không có Giấy phép đăng ký xe mô tô nên không thể hiện các thông tin chính xác của chiếc xe để xử L. Vì vậy HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án mà sẽ để xử L giải quyết sau là phù hợp và đúng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản, không có công việc làm, thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt bằng tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T**, phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 6 (sáu) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (*ngày 18/9/2018*).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các Điều 584 và 589; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: Bồi thường cho ông Bùi Đức T số tiền là 51.800.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 2.450.000 đồng; bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền là 4.000.000 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền là 13.200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền cụ thể như sau: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị C số tiền là 2.352.000 đồng; hoàn trả cho ông Lương Văn L số tiền là 2.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (ông Bùi Đức T, bà Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn H, bà Lê Thị C, bà Lê Thị C, ông Lương Văn L) cho đến khi bị cáo thi hành án xong, tất cả các khoản tiền còn phải bồi thường, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Vật chứng là những tài sản bị mất trộm thu giữ được, ngày 13/02/2019, Cơ quan điều tra công an huyện K đã xử L trả lại cho những người bị hại là anh Bùi Văn H; bà Lê Thị C; bà Trần Thị Đ; bà Nguyễn Thị H. Các bà Lê Thị C, bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H, trình bày đã nhận lại tài sản và tự sửa chữa. Vì vậy, HĐXX không đề cập giải quyết.

Vật chứng là tiền Ngân hàng Việt Nam là 9.100.000 đồng (*chín triệu một trăm ngàn đồng y*). Tuyên trả lại cho bà Phạm Thị Đ 1.400.000 đồng; ông Ngô Ngọc L 2.500.000 đồng. Tiếp tục lưu số tiền 5.200.000 đồng do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện K, Gia Lai để trả cho các bị hại, để đảm bảo cho việc thi hành án phân dân sự trong vụ án.

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng là những công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng. Gồm: 01 (một) điện thoại ANOKA B800 màu đen; 01 (một) con dao bằng kim loại dài 36 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm, lưỡi bằng kim loại rộng 6,5 cm; 01 (một) con dao nhọn dài 57 cm, cán bằng tre dài 20 cm, lưỡi bằng kim loại dài 37 cm, rộng 5 cm; 01 (một) chiếc cờ lê 10 bằng kim loại dài 11 cm, một đầu có công tròn, một đầu được mài dẹt; 01 (một) chiếc cờ lê 12 bằng kim loại dài 10 cm, một đầu có công tròn, một đầu được mài dẹt; 01 (một) đinh ốc bằng kim loại dài 10 cm, đường kính 6 mm; 01 (một) xà beng bằng kim loại dài 1 m, đường kính 2 cm, có mũi dẹt; 01 (một) sợi dây thun màu đen dài 4 cm; 01 (một) đôi dây vải màu xanh trắng; 01 (một) bao xác rắn màu đỏ; 01 (một) bao xác rắn màu xanh; 01 (một) mỏ lết bằng kim loại dài 25 cm; 01 (một) bộ quần áo mưa màu xám.

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản, công việc không ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt bằng tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 3.800.100 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 LTHADS.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại là ông Bùi Đức T, anh Bùi Văn H, bà Lê Thị C, bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đ, bà Lê Thị C, ông Lương Văn L, ông Ngô Ngọc L đều vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh.
-VKSND huyện.
-Công an huyện.
-Bị cáo.
-Bị hại.
-Người CQL,NVLQ.
-Chi cục THADS huyện.
(Khi án có HLPL).
-Lưu HSVA,VPTA.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

ĐỖ THỊ LÀNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

